TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 08-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc;

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đầy.

Bà Phước Thị Kim Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum, kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú: Ông Trần Văn T, Thẩm phán, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải: Ông Nguyễn Xuân T1, Thư ký, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử công khai theo hình thức trực tiếp, kết hợp trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2024/TLST-HS, ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Hoàng D, sinh ngày 16/9/1991, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hoàng K, sinh năm 1962 và bà Lý Mỹ T2, sinh ngày 09/8/1972; vợ, con: không có; tiền án: 03 tiền án, cụ thể 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 17/2019/HS-ST, ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù, 01 tiền án về tội trộm cắp

tài sản theo bản án số 16/2019/HS-ST, ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 36/2019/HS-ST, ngày 31/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt 06 tháng tù; tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/11/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 03/2016/HS-ST; bị khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 21/11/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trầm Thanh Ú, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Lý Mỹ T2, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Phan Thị Kiều C, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số: 17/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Trương Hoàng D về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi bị cáo bị truy tố như sau:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 19/11/2023, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 84H1-355.30 của mẹ ruột bị cáo tên Lý Mỹ T2, sinh ngày 09/8/1972, cư trú khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh từ thành phố T đến huyện T, tỉnh Trà Vinh để tìm người bạn tên "T3" không rõ địa chỉ cụ thể, do trước đây "Tân" đi chấp hành án phạt tù chung. Khi đến khu vực ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo D nhìn bên tay phải thấy nhà của ông Trầm Thanh Ú, sinh ngày 06/12/1978, cư trú ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh đang mở cửa, cặp hành lang nhà có 01 cặp đôn chậu (dùng để kê chậu cây kiểng) nên bị cáo D nảy sinh ý định trộm cắp để đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nhưng do nhà ông Ú mở cửa nên bị cáo chưa thực hiện hành vi mà tiếp tục điều khiển xe mô tô đến khu vực cầu P để tìm "T3" nhưng không gặp nên bị cáo D quay xe lại để đi về thành phố T.

Trên đường về đến khu vực ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo D thấy 01 cái giỏ đệm trên đường không rõ của ai nên nhặt lấy cái giỏ đệm mục đích đựng 02 đôn chậu đã thấy trước đó, bị cáo D tiếp tục điều khiển xe đến nhà ông Ú thì thấy nhà ông Ú đã đóng cửa nên bị cáo D điều khiển xe vào sân nhà ông Ú và dừng xe, quan sát xung quanh thấy không có ai nên bị cáo D cầm cái giỏ đệm đi đến nơi để 02 cái đôn rồi lén lút lấy 02 cái đôn chậu để vào trong giỏ đệm. Sau khi

lấy xong, bị cáo D cầm giỏ đệm để lên xe chuẩn bị điều khiển xe tẩu thoát thì ông Ú về đến nhà phát hiện nên giữ bị cáo D lại và trình báo Công an xã P.

Tại Công an xã P, bị cáo D đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Qua tra cứu tiền án, tiền sự xác định bị cáo D có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Ngày 20/11/2023, Công an xã P chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá số 27/KL-HĐĐGTS, ngày 21/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T kết luận: 02 (hai) cái đôn chậu bằng sứ, hình trụ, có hoa văn màu xanh, đã qua sử dụng, đường kính 25cm x 15cm x 25cm tại thời điểm ngày 19/11/2023 có giá là 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng).

* Về việc tạm giữ và xử lý vật chứng có liên quan trong vụ án:

- Ngày 21/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định số 102 tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu để nhập kho vật chứng gồm có:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda, loại Winner, biển số 84H1-355.30.

+ 01 (một) chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu honda, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) cái giỏ đệm làm bằng lát, kích thước cao 48cm, rộng 65cm, có hai quai sách, trên giỏ có 03 lổ nhỏ kích thước 2 x 2cm, dưới đáy giỏ có 01 lổ thủng có kích thước 26 x 4cm, đã qua sử dụng.

+ 02 (hai) đôn chậu bằng sứ, hình trụ có hoa văn màu xanh, đường kính 25cm x 15cm x 25cm, đã qua sử dụng.

Riêng 02 đôn chậu nêu trên, sau khi tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho ông Trầm Thanh Ú là chủ sở hữu.

* Về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự: Ông Trầm Thanh Ú đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại đúng như cáo trạng truy tố không có ý kiến bổ sung.

Bị hại Trầm Thanh Ú, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án bà Phan Thị Kiều C vắng mặt tại phiên tòa, về tài sản đã nhận lại do đó bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, về trách nhiệm hình sự thì đề nghị Tòa án giải quyết xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Mỹ T2 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời trình bày trong quá trình điều tra cơ quan công an có tạm giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda, loại Winner, biển số 84H1-355.30 và 01 (một) chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu honda, đã qua sử dụng, đây tài sản thuộc quyền sở hữu của bà, bà không biết bị cáo sử dụng chiếc xe để đi trộm nên yêu cầu

được nhận lại và không yêu cầu gì thêm, về trách nhiệm hình sự thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản":

Đối với bị cáo Trương Hoàng D đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại Trầm Thanh Ú, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kiều C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) cái giỏ đệm làm bằng lát, kích thước cao 48cm, rộng 65cm, có hai quai sách, trên giỏ có 03 lổ nhỏ kích thước 2 x 2cm, dưới đáy giỏ có 01 lổ thủng có kích thước 26 x 4cm, đã qua sử dụng do không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy; đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda, loại Winner, biển số 84H1-355.30 và 01 (một) chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu honda, đã qua sử dụng, đây tài sản thuộc quyền sở hữu của bà T2, bà T2 không biết bị cáo sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bà T2.

Về án phí đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo không tranh luận

Bị cáo D nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định bị cáo Trương Hoàng D đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị hại như cáo trạng truy tố là sự việc có thật, cụ thể: Vào khoảng 16 giờ, ngày 19/11/2023, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 84H1-355.30 từ thành phố T đến khu vực cầu P tìm người bạn tên "T3" không gặp, trên đường quay về bị cáo D điều khiển xe đến nhà ông Ú thì thấy nhà ông Ú đã đóng cửa nên bị cáo D điều khiển xe vào sân nhà ông Ú và dừng xe, quan sát xung quanh thấy không có ai nên bị cáo D cầm cái giỏ đệm đi đến nơi để 02 cái đôn rồi lén lút lấy 02 cái đôn chậu

để vào trong giỏ đệm. Sau khi lấy xong, bị cáo D cầm giỏ đệm để lên xe chuẩn bị điều khiển xe tẩu thoát thì ông Ú về đến nhà phát hiện nên giữ bị cáo D lại và trình báo Công an xã P.Tổng trị giá tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 320.000 đồng. Qua điều tra bị cáo D có một tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Việc bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại mặc dù có giá trị dưới hai triệu đồng khi chưa được xóa án tích là đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Hành vi phạm tội bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội ở địa phương, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo là muốn lấy tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài để thỏa mãn cho mục đích vụ lợi cá nhân.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng đến ngày 19/11/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ấp Đ, xã P, huyện T, ngoài ra về nhân thân ngày 11/11/2016 bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 03/2016/HS-ST. Trong thời gian chấp hành án bị cáo đã được cán bộ quản giáo cảm hóa, giáo dục nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà đến ngày 19/11/2023 thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Điều này thể hiện sự coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại lười biếng lao động của bị cáo. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung, do đó mức án mà V đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: tội phạm mà bị cáo thực hiện là ít nghiệm trọng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm, đồng thời có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cái phù hợp với quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về dân sự: Do tài sản bị hại đã nhận lại và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng:

+ Đối với 01 (một) cái giỏ đệm làm bằng lát, kích thước cao 48cm, rộng 65cm, có hai quai sách, trên giỏ có 03 lổ nhỏ kích thước 2 x 2cm, dưới đáy giỏ có 01 lổ thủng có kích thước 26 x 4cm, bị cáo dùng để đựng hai đôn chậu do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda, loại Winner, biển số 84H1-355.30 và 01 (một) chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu honda, đã qua sử dụng, đây tài

sản thuộc quyền sở hữu của bà T2, bà T2 không biết bị cáo sử dụng chiếc xe để đi trộm nên trả lại cho bà T2.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí thì bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: bị cáo Trương Hoàng D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng D 01 (một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 21/11/2023).

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người liên quan đến vụ án không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cái giỏ đệm làm bằng lát, kích thước cao 48cm, rộng 65cm, có hai quai sách, trên giỏ có 03 lổ nhỏ kích thước 2 x 2cm, dưới đáy giỏ có 01 lổ thủng có kích thước 26 x 4cm, do không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại cho bà Lý Mỹ T2 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda, loại Winner, biển số 84H1-355.30 và 01 (một) chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu honda, đã qua sử dụng.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Hoàng D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Phúc